

**QUỐC HỘI KHÓA XIV
ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 20/ĐĐBQH-VP

Hòa Bình, ngày 17 tháng 3 năm 2021

V/v thông tin trả lời ý kiến,
kiến nghị của cử tri tỉnh Hòa Bình.

Kính gửi:

- Báo Hòa Bình;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Hòa Bình.

Căn cứ Quy chế hoạt động của đại biểu Quốc hội và Đoàn đại biểu Quốc hội; Để kịp thời thông tin tới cử tri và Nhân dân kết quả trả lời các ý kiến, kiến nghị của cử tri tỉnh Hòa Bình tại kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XIV thuộc thẩm quyền giải quyết của các Bộ, ngành Trung ương. Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Hòa Bình tổng hợp kết quả như sau:

(Có bản tổng hợp chi tiết kèm theo)

Trân trọng đề nghị Quý cơ quan quan tâm, phối hợp, thông tin đến cử tri và Nhân dân trong toàn tỉnh để kịp thời nắm bắt thông tin và giám sát hoạt động của đại biểu Quốc hội tỉnh nhà.

Xin trân trọng cảm ơn!./.

Nơi nhận:

- Các vị ĐBQH khóa XIV, tỉnh Hòa Bình;
- UBND, UBMTTQVN các huyện, TP;
- Lãnh đạo, Chuyên viên VP;
- Lưu: VPĐĐBQH&HĐND.

**TL. TRƯỞNG ĐOÀN
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Bùi Mạnh Cường





**QUỐC HỘI KHÓA XIV
ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
TỈNH HÒA BÌNH**

**TỔNG HỢP
TRẢ LỜI KIẾN NGHỊ CỬ TRI CỦA CÁC BỘ, NGÀNH
TẠI KỲ HỌP THỨ 10, QUỐC HỘI KHÓA XIV
(Kèm theo Văn bản số 20 /ĐĐBQH-VP ngày 17 tháng 3 năm 2021
của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Hòa Bình)**

I. BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

1. Cử tri kiến nghị: Các chính sách hỗ trợ Covid-19 như gói 16.000 tỷ, 62.000 tỷ và nhiều chính sách khác chưa thực sự đến được với doanh nghiệp và người lao động, đặc biệt là công nhân, thủ tục, quy trình, điều kiện và đối tượng áp dụng chưa hợp lý dẫn đến doanh nghiệp và người lao động bị tác động trực tiếp rất khó khăn trong tiếp cận gói hỗ trợ này. Đề nghị Chính phủ quan tâm, nghiên cứu có chính sách phù hợp nhằm giúp doanh nghiệp vượt qua khó khăn như: giảm thuế, giảm tiền thuê đất, giãn, hoãn tiền bảo hiểm xã hội... và hỗ trợ trực tiếp cho người lao động tại các doanh nghiệp.

Trả lời:

1. Trước ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã kịp thời ban hành và sửa đổi, bổ sung nhiều giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp và người dân, trong đó đến nay còn nhiều cơ chế, chính sách hỗ trợ đang còn hiệu lực như:

- Nghị định số 22/2020/NĐ-CP, ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 139/NĐ-CP, ngày 04 tháng 10 năm 2016 quy định về lệ phí môn bài.

- Nghị định số 45/2020/NĐ-CP, ngày 08 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử nhằm đẩy mạnh công tác chỉ đạo, điều hành cải cách thủ tục hành chính, phát triển ứng dụng công nghệ thông tin, tạo dựng môi trường kinh doanh thuận lợi, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp bị tác động bởi dịch bệnh Covid-19.

- Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 135/2020/QH14 về Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XIV, trong đó nhất trí với các giải pháp Chính phủ đã trình để tháo gỡ khó khăn cho Tổng công ty Hàng không Việt Nam.

- Chính phủ đã ban hành Nghị quyết về phương án hỗ trợ giảm giá điện, giảm tiền điện (đợt 2) (Nghị quyết số 180/NQ-CP, ngày 17 tháng 12 năm 2020)

- Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Nghị quyết và Quyết định sửa đổi các Nghị quyết và Quyết định về các biện pháp hỗ trợ người dân

gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo hướng mở rộng đối tượng thụ hưởng chính sách và đơn giản hóa thủ tục cho vay để trả lương ngừng việc cho người lao động (Nghị quyết số 154/NQ-CP và Quyết định số 32/2020/QĐ-TTg, ngày 19 tháng 10 năm 2020).

Ngoài ra, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Thông tư số 12/2020/TT-NHNN, ngày 11 tháng 11 năm 2020 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2020/TT-NHNN, ngày 07 tháng 5 năm 2020 quy định về tái cấp vốn đối với Ngân hàng chính sách xã hội theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg, ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19; Bộ Tài chính đang chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan trung ương tiếp tục rà soát giảm phí, lệ phí để tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, đồng thời nghiên cứu việc kéo dài thời gian áp dụng quy định tại 21 Thông tư điều chỉnh giảm mức thu phí, lệ phí đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2020 (văn bản số 14246/BTC-CST ngày 20 tháng 11 năm 2020).

2. Về các giải pháp điều hành của Chính phủ trong thời gian tới

Năm 2021, dự báo tình hình đại dịch Covid-19 chưa thể sớm kết thúc, tác động tiêu cực có thể kéo dài, ảnh hưởng đến nhiều ngành, lĩnh vực, nhất là đối với đầu tư, thương mại, dịch vụ, du lịch, vận tải hàng không. Ngày 01 tháng 01 năm 2021, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 01/NQ-CP về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, trong đó, đề cao việc tiếp tục thực hiện linh hoạt, hiệu quả “mục tiêu kép” vừa phòng, chống đại dịch Covid-19, vừa phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội trong trạng thái bình thường mới, cụ thể:

(i) Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, tuyên truyền nâng cao ý thức phòng, chống dịch, tuyệt đối không chủ quan trước dịch bệnh; tiếp tục củng cố trạng thái bình thường mới. Kiểm soát phù hợp người nhập cảnh, ngăn chặn hiệu quả nguồn bệnh xâm nhập từ bên ngoài. Xem xét mở lại các đường bay thương mại quốc tế khi điều kiện cho phép, bảo đảm phù hợp với yêu cầu phòng, chống dịch Covid 19. Đẩy nhanh việc nghiên cứu, hợp tác quốc tế trong phát triển vắc-xin và có giải pháp để người dân tiếp cận vắc-xin phòng dịch Covid-19 sớm nhất.

(ii) Chủ động bố trí nguồn lực và triển khai các giải pháp phù hợp, kịp thời (trong đó có các giải pháp tín dụng, tài chính, ngân sách nhà nước, thuế, phí, lệ phí...) để tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ doanh nghiệp, người dân, người lao động bị mất việc, thiếu việc làm, giảm sâu thu nhập do đại dịch Covid-19 và khôi phục sản xuất, kinh doanh, nhất là trong các ngành dịch vụ, du lịch, hàng không... Theo quy định tại Nghị Quyết số 01/NQ-CP năm 2021 của Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung có trách nhiệm xây dựng, ban hành Chương trình, Kế hoạch hành động, các văn bản cụ thể triển khai thực

hiện Nghị quyết trước ngày 20 tháng 01 năm 2021. Trong đó, cần có các nội dung triển khai nhiệm vụ thực hiện linh hoạt, hiệu quả “mục tiêu kép” vừa phòng, chống đại dịch Covid-19, vừa phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội trong trạng thái bình thường mới được Chính phủ thông qua.

2. Cử tri kiến nghị: Đề nghị Chính phủ quan tâm xây dựng chính sách hỗ trợ đặc thù cho các xã vùng CT229 như: hỗ trợ kinh phí đầu tư mua sắm trang thiết bị; chính sách hỗ trợ đặc thù để hỗ trợ người dân phát triển sản xuất và cơ chế đặc thù hỗ trợ cán bộ, con em trên địa bàn xã.

Trả lời:

Theo thống kê đến tháng 6 năm 2020, hệ thống chính sách, pháp luật về lĩnh vực dân tộc hiện hành được quy định tại 118 văn bản có quy định liên quan đến công tác dân tộc, chính sách dân tộc. Trong đó, có 55 văn bản quy định chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số, miền núi và hỗ trợ cho đồng bào dân tộc thiểu số rất ít người và vùng CT229.

Hệ thống chính sách dân tộc được chia thành 3 nhóm:

(1) Nhóm chính sách theo dân tộc và chính sách đặc thù từng dân tộc, nhóm dân tộc;

(2) Nhóm chính sách phát triển kinh tế - xã hội theo vùng, địa bàn;

(3) Nhóm chính sách phát triển kinh tế - xã hội theo lĩnh vực ngành.

Về quan điểm: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi là đầu tư cho phát triển, góp phần tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia đi liền với xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất và đời sống tinh thần cho Nhân dân, thu hẹp dần khoảng cách về mức sống so với vùng phát triển; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc, góp phần đẩy lùi các tệ nạn xã hội, nâng cao mặt bằng dân trí, đào tạo nguồn nhân lực, nhất là cán bộ dân tộc thiểu số, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới; góp phần quan trọng thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội nhằm đạt mục tiêu “không để ai bị bỏ lại phía sau”.

Tại Nghị quyết số 120/2020/QH14, ngày 19 tháng 6 năm 2020, Quốc hội đã phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, trong đó, giao Chính phủ: “Quyết định đầu tư Chương trình theo đúng quy định của Luật Đầu tư công, quy định cơ chế đặc thù trong tổ chức quản lý, thực hiện Chương trình phù hợp với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Ban hành tiêu chí xác định các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù”.

Thực hiện Nghị quyết số 120/2020/QH14 của Quốc hội, hiện nay, Chính phủ đang triển khai xây dựng Báo cáo nghiên cứu khả thi của Chương trình

theo quan điểm, mục tiêu, phạm vi, đối tượng, nội dung, nhiệm vụ, giải pháp và có cơ chế điều hành quy định tại Nghị quyết số 88/2019/QH14, ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

Theo đó, các chương trình, chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi trong thời gian tới sẽ được thực hiện ở địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi trên phạm vi cả nước. Chính sách cho con người sẽ chủ yếu tiếp cận theo nguyên tắc là người dân tộc thiểu số, đúng đối tượng sẽ được thụ hưởng, không phân biệt ở vùng sâu, vùng xa hay ở vùng khác. Đối với nhóm dân tộc thiểu số rất ít người, nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn sẽ có những chính sách hỗ trợ đặc thù phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội, văn hóa, tập quán của các dân tộc.

Ngoài ra, thực hiện Quyết định số 2156/QĐ-TTg, ngày 25/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ về quy chế quản lý bảo vệ và xây dựng, trong những năm qua, được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, vùng CT229 đã được chăm lo hỗ trợ các chính sách từ nguồn ngân sách Trung ương như chính sách xã đặc biệt khó khăn (CT135) cho tất cả các xã CT229,... Như vậy, Nhà nước đã có chính sách đặc thù cho vùng CT229. Đến nay chưa có văn bản thay thế Quyết định số 2156/QĐ-TTg, do vậy chính sách áp dụng CT135 cho tất cả các xã CT229 của tỉnh Hoà Bình và các xã CT229 trong cả nước vẫn tiếp tục thực hiện.

II. BỘ CÔNG THƯƠNG

Cử tri kiến nghị: *Đề nghị Tổng công ty Điện lực miền Bắc sớm có kế hoạch xây dựng trạm 110kV Tân Lạc, 110kV Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình để giảm bán kính cấp điện, nâng cao độ tin cậy cung cấp điện khu vực; Phê duyệt các danh mục kết nối điều khiển từ xa các thiết bị nâng cao độ tin cậy cung cấp điện như Recloser, LBS để nâng cao hiệu quả vận hành, giảm thời gian mất điện của khách hàng.*

Trả lời:

Bộ Công Thương nhận được Công văn số 1759/UBND-CNXD, ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2016-2025, có xét đến năm 2035. Sau khi xem xét, Bộ Công Thương đã có công văn số 9497/BCT-ĐL, ngày 10 tháng 12 năm 2020 gửi UBND tỉnh Hòa Bình, trong đó thống nhất về việc điều chỉnh, bổ sung tiến độ TBA 110 kV Tân Lạc, TBA 110 kV Kim Bôi và đường dây đầu nối, đưa vào vận hành năm 2021 trong Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2016-2025, có xét đến năm 2035.

Hiện nay, Tổng công ty Điện lực miền Bắc đang thực hiện các bước khảo sát, chuẩn bị đầu tư các TBA 110 kV Tân Lạc và TBA 110 kV Kim Bôi theo đúng quy định hiện hành.

III. BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

1. Cử tri kiến nghị: Nghị định số 15/2020/NĐ-CP, ngày 03/02/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử, có hiệu lực thi hành từ ngày 15/4/2020, thay thế Nghị định 174/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin và tần số vô tuyến điện. Tuy nhiên, quá trình triển khai thực hiện cho thấy một số khó khăn, bất cập, cụ thể: Tại Điều 116, Nghị định 15/2020/NĐ-CP có quy định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của lực lượng Công an nhân dân, theo đó giao quyền cho: Chiến sỹ Công an nhân dân đang thi hành công vụ; Trạm trưởng, Đội trưởng của cán bộ Công an nhân dân đang thi hành công vụ; Trưởng Công an cấp xã, Trưởng đồn Công an, Trạm trưởng trạm Công an cửa khẩu, khu chế xuất; Trưởng Công an cấp huyện, Trưởng phòng một số phòng trong Công an tỉnh; giám đốc Công an cấp tỉnh; Cục trưởng một số Cục thuộc Bộ Công an. Tuy nhiên, tại Điều 120 của Nghị định này khi phân định thẩm quyền xử phạt cho lực lượng Công an nhân dân lại không phân quyền cho một số chức danh, cụ thể: Cán bộ chiến sỹ đang thi hành công vụ; Trạm trưởng, Đội trưởng của cán bộ Công an nhân dân đang thi hành công vụ; Trưởng phòng một số phòng trong Công an tỉnh. Điều này là bất hợp lý, đồng thời sẽ gây khó khăn cho Công an các đơn vị địa phương trong việc xử phạt các hành vi vi phạm liên quan đến lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử vì các phòng nghiệp vụ, công an các huyện, thành phố không trực tiếp được phân quyền xử phạt mà phải là Giám đốc Công an tỉnh. (Nghị định 174 Trưởng các phòng nghiệp vụ, Trưởng CA các huyện, thành phố đều có thẩm quyền xử phạt). Bên cạnh đó, việc áp dụng Điều 120 cũng làm hạn chế thẩm quyền xử phạt của lực lượng Công an nhân dân (ví dụ: Không có thẩm quyền xử phạt đối với hành vi quy định tại Khoản 3, Điều 35; điểm a, Khoản 2, Điều 100...). Trên thực tế, quá trình áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật, các lực lượng sẽ căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền xử phạt để xử lý đối với từng hành vi, do đó việc phân định thẩm quyền tại Điều 120 là không cần thiết, đề nghị Chính phủ nghiên cứu, bãi bỏ điều này trong Nghị định 15/2020/NĐ-CP để phù hợp với thực tế.

Trả lời:

Việc phân định thẩm quyền tại Điều 120 căn cứ vào khoản 3, Điều 5 văn bản hợp nhất số 210/VBHN-BTP ngày 19/01/2018 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi thành luật xử lý vi phạm hành chính quy định: "Trường hợp Nghị định xử phạt vi phạm hành chính có quy định nhiều chức danh tham gia

xử phạt thuộc nhiều lĩnh vực quản lý nhà nước khác nhau, thì phải quy định rõ thẩm quyền xử phạt của các chức danh đó đối với từng điều khoản cụ thể".

Hiện nay, Bộ TTTT đã đăng ký với Chính phủ xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 119/2020/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động in sản phẩm không phải là xuất bản phẩm và sửa đổi Điều 120 của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP về phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với Thanh tra chuyên ngành Thông tin và Truyền thông" vào Kế hoạch triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2021 và kế hoạch công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ năm 2021. Cụ thể:

Chế tài và hành vi vi phạm trong hoạt động in sản phẩm không phải là xuất bản đã được xây dựng trong dự thảo Nghị định số 119/2020/NĐ-CP đã thực hiện đầy đủ các bước theo quy định của Luật ban hành văn bản pháp luật và đã được Thành viên cho ý kiến. Do mức phạt tiền tối đa trong lĩnh vực in sản phẩm không phải là xuất bản phẩm chưa được quy định tại Điều 24 Luật xử lý vi phạm hành chính, vì vậy nội dung này được tách ra chờ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính (có quy định mức tiền phạt tối đa của lĩnh vực in) được thông qua (dự kiến tháng 11/2020).

Sau khi Luật sửa đổi bổ sung được thông qua, Bộ TTTT báo cáo đề xuất Thủ tướng cho phép xây dựng và ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung theo trình tự rút gọn để kịp thời ban hành ngay sau khi Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính có hiệu lực pháp luật (dự kiến tháng 04/2021).

IV. BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

1. Cử tri kiến nghị: Dự án cao tốc Hòa Bình – Mộc Châu được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 579/QĐ-TTg, ngày 17/5/2019, có tổng chiều dài toàn tuyến khoảng 85 km, trong đó đoạn qua địa phận tỉnh Hòa Bình khoảng 49 km (đi qua thành phố Hòa Bình, huyện Đà Bắc), với tổng mức đầu tư giai đoạn I khoảng 22.294 tỷ đồng. Đề nghị Chính phủ quan tâm, bố trí kinh phí đẩy nhanh tiến độ đối với dự án nhằm đáp ứng nhu cầu vận tải, phục vụ mục tiêu thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội và đảm bảo quốc phòng - an ninh, tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội cho địa phương.

Trả lời:

Tuyến đường cao tốc Hòa Bình – Mộc Châu (tỉnh Sơn La) được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định 579/QĐ-TTg, ngày 17/5/2019. Dự án do UBND tỉnh Sơn La là Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phối hợp với UBND tỉnh Hòa Bình và các cơ quan có liên quan triển khai công tác chuẩn bị đầu tư theo hình thức PPP.

Hiện nay, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang thẩm định phương án điều chỉnh chủ trương đầu tư tại Tờ trình số 259/TTr-UBND, ngày 22/12/2020 của UBND tỉnh Sơn La đối với dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu theo hình thức đối tác công tư PPP. Do dự án có sử dụng nguồn vốn đầu tư công nên Bộ KH&ĐT, Bộ Tài chính sẽ thẩm định phương án tài chính bao gồm cả phần vốn NSNN do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo thẩm quyền của Luật đầu tư số 64/2020/QH14, ngày 18/6/2020 của Quốc hội áp dụng đối với dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

Vì vậy, đề nghị UBND tỉnh Hòa Bình phối hợp UBND tỉnh Sơn La báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Bộ KH&ĐT, Bộ Tài chính về đề xuất liên quan. Bộ GTVT sẽ tiếp tục ủng hộ và phối hợp khi có yêu cầu.

V. BỘ CÔNG AN

1. Cử tri kiến nghị: *Hiện nay, tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hòa Bình số người bị kết án tử hình tạm giam quá lâu phát sinh một số vấn đề như: có tư tưởng chống đối, đòi hỏi yêu sách (không chấp hành mệnh lệnh của cán bộ quản giáo, đập cửa buồng giam, hắt nước bẩn vào cán bộ quản giáo, rung cùm...); một số có tâm lý tiêu cực luôn tìm cách tự sát; bệnh tật và việc thăm khám, điều trị gặp nhiều khó khăn, tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn. Bên cạnh đó, số buồng giam dành cho người bị kết án tử hình ít, trong khi thực tế số người bị kết án tử hình quá đông, do vậy không đủ số phòng giam để bố trí giam giữ người bị kết án tử hình, cơ sở vật chất không đảm bảo, đặc biệt là không có buồng giam dành cho những bị can đặc biệt (phụ nữ có thai, người có biểu hiện tâm thần, bệnh nặng...)... Trước những khó khăn trên, đề nghị các cơ quan chức năng sớm có biện pháp tháo gỡ khó khăn trong việc quản lý, thi hành án đối với những người bị kết án tử hình đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hòa Bình. Bên cạnh đó, đề nghị Quốc hội sớm sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật về thời gian xét đơn xin ân giảm án tử hình để việc thi hành án tử hình kịp thời, không để kéo dài, gây phức tạp. Đặc biệt, đề nghị Chính phủ quan tâm bổ sung, hỗ trợ nguồn kinh phí để xây dựng, sửa chữa cơ sở giam giữ người bị kết án tử hình nhằm đáp ứng nhu cầu thực tế tại địa phương.*

Trả lời:

Công an tỉnh Hòa Bình được đầu tư xây dựng 02 nhà giam giữ người bị kết án tử hình với quy mô giam giữ 44 chỗ tại Trại giam Công an tỉnh, trong đó có 01 nhà giam 12 chỗ được đầu tư và đưa vào sử dụng năm 2012, 01 nhà giam 32 chỗ được đầu tư và đưa vào sử dụng năm 2018. Năm 2019, Bộ Công an đã phê duyệt đầu tư 02 dự án cho Trại tạm giam Công an tỉnh Hòa Bình, gồm: Dự án đầu tư công trình Trại tạm giam Công an tỉnh Hòa Bình và Dự án xây dựng 01 nhà giam 32 chỗ tại khu giam người bị kết án tử hình thuộc Trại tạm giam Công an tỉnh Hòa Bình. Dự kiến nhà giam người bị kết án tử hình sẽ hoàn thành trong năm 2020 và tổng thể công trình Trại giam Công an tỉnh Hòa Bình

sẽ hoàn thành trong năm 2021. Như vậy, đến hết năm 2021, Trại tạm giam Công an tỉnh Hòa Bình sẽ có quy mô giam giữ người bị kết án tử hình là 76 chỗ. Sau khi hoàn thành các dự án trong năm 2021 và đưa vào sử dụng thì cơ bản đáp ứng được yêu cầu công tác giam giữ tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hòa Bình.

Hiện nay, tình trạng số người bị kết án tử hình chưa có quyết định thi hành án đã gây áp lực, quá tải ở các Trại tạm giam, trong đó có Trại tạm giam Công an tỉnh Hòa Bình. Việc kéo dài thời gian xét đơn xin ân giảm án tử hình do nguyên nhân chủ yếu:

- Các văn bản quy phạm pháp luật chưa quy định thời hạn Chủ tịch nước bác đơn hoặc cho ân giảm mà người bị kết án tử hình có đơn xin ân giảm án tử hình hoặc đơn xin thi hành án sớm (về vấn đề này, tại Hội nghị liên ngành bàn về các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác quản lý, thi hành án đối với người bị kết án tử hình ngày 14/6/2017, Bộ Tư pháp cho rằng, việc ân giảm án tử hình là thẩm quyền tối cao, riêng có của Chủ tịch nước dựa trên các đánh giá một cách đầy đủ, toàn diện tính chất của vụ án, điều kiện, hoàn cảnh của người phạm tội, khả năng áp dụng hình phạt khác... để xem xét quyết định; do đó, việc quy định thời hạn Chủ tịch nước xem xét, bác đơn xin ân giảm cũng không phù hợp).

Mặt khác, để thi hành án tử hình, các cơ quan chức năng cần phải xác minh một số vấn đề, như: Người bị kết án tử hình vừa có đơn xin ân giảm án tử hình, vừa có đơn kêu oan, không làm đơn xin ân giảm án tử hình mà làm đơn kêu oan, đơn xin thi hành sớm; hồ sơ vụ án thể hiện không thống nhất về họ, tên, tên đệm, tên gọi khác; ngày, tháng, năm sinh; địa chỉ đăng ký thường trú, tạm trú; họ, tên, năm sinh của vợ, chồng của người bị kết án,... đối với trường hợp này, Tòa án nhân dân tối cao vẫn phải trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định.

Bộ Công an đang tiến hành sơ kết 02 năm thi hành Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 và Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam 2015, trên cơ sở kết quả sơ kết sẽ kiến nghị đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định nội dung mà cử tri kiến nghị. Ngoài ra, Bộ Công an đã chỉ đạo Công an các đơn vị, địa phương tham mưu với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành lập Đoàn công tác liên ngành tổ chức kiểm tra, rà soát những khó khăn, vướng mắc trong công tác quản lý giam giữ và thi hành án đối với người bị kết án tử hình. Trên cơ sở kết quả rà soát, Bộ Công an đã tổ chức Hội nghị đánh giá, tháo gỡ, có Báo cáo gửi Văn phòng Chủ tịch nước, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và các bộ, ngành có liên quan về vấn đề này; đồng thời, chỉ đạo các đơn vị chức năng thuộc Bộ có chủ trương đầu tư, xây dựng, cải tạo nâng cấp đủ chỗ giam giữ cho số người bị kết án tử hình và trang bị phương tiện, kỹ thuật nghiệp vụ phục vụ công tác quản lý, giam giữ người bị kết án tử hình.

2. Cử tri kiến nghị: Để thực hiện tốt và có hiệu quả Luật Thi hành án hình sự, đề nghị các cơ quan tư pháp Trung ương có thẩm quyền cần hướng dẫn cụ thể: Đối với những trường hợp chấp hành xong án phạt nhưng không đến nhận giấy chứng nhận chấp hành xong án hoặc bỏ đi khỏi địa phương; Quy định rõ ràng về thời hạn khi Chủ tịch nước nhận đơn xin ân giảm trong thời hạn bao nhiêu ngày sẽ có quyết định ân giảm hoặc bác đơn ân giảm đối với các bị án tử hình; đồng thời, cần nghiên cứu có giải pháp bố trí kinh phí xây dựng và nâng cấp nhà tạm giữ, tạm giam của Công an cấp huyện, tránh tình trạng cơ sở giam, giữ không đủ điều kiện làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án hoặc bị can bỏ trốn.

Trả lời

- Về những trường hợp chấp hành xong án phạt nhưng không đến nhận giấy chứng nhận chấp hành xong án hoặc bỏ đi khỏi địa phương: Luật Thi hành án hình sự năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành không quy định bắt buộc người chấp hành xong án phạt đến nhận giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt. Đối với thi hành án phạt tại xã, phường, thị trấn (án treo, cải tạo không giam giữ, quản chế, cấm cư trú, tước một số quyền công dân, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định), Công an cấp huyện cấp giấy chứng nhận vào ngày cuối cùng của thời hạn chấp hành án và gửi giấy đó cho người chấp hành án và các cơ quan, đơn vị có liên quan. Theo quy định, trường hợp người chấp hành xong án phạt bỏ đi khỏi địa phương trong thời gian chấp hành án, phải tiến hành xác minh và xử lý theo các hình thức như: lập biên bản vi phạm nghĩa vụ, kiểm điểm (án treo, cải tạo không giam giữ, người được tha tù trước hạn có điều kiện), xử phạt vi phạm hành chính, buộc chấp hành án phạt tù (đối với án treo, tha tù trước hạn có điều), xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Về thời hạn khi Chủ tịch nước nhận đơn xin ân giảm trong thời hạn bao nhiêu ngày sẽ có quyết định ân giảm hoặc bác đơn ân giảm đối với các bị án tử hình: Theo Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Luật Thi hành án hình sự năm 2019, không có quy định về thời gian Chủ tịch nước có quyết định ân giảm hoặc bác đơn ân giảm đối với các bị án tử hình kể từ khi nhận đơn. Cơ sở cho quy định này là việc ân giảm án tử hình là thẩm quyền tối cao, riêng có của Chủ tịch nước dựa trên việc đánh giá một cách đầy đủ, toàn diện tính chất của vụ án, điều kiện, hoàn cảnh của người phạm tội, khả năng áp dụng hình phạt khác... để xem xét, quyết định, do đó, việc quy định thời hạn Chủ tịch nước xem xét, bác đơn ân giảm là không phù hợp.

- Về bố trí kinh phí xây dựng và nâng cấp nhà tạm giữ, tạm giam của Công an cấp huyện, tránh tình trạng cơ sở giam, giữ không đủ điều kiện làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án hoặc bị can bỏ trốn: Hằng năm, Bộ Công an giao nhiệm vụ cho các đơn vị chức năng rà soát, tổng hợp, báo cáo, đề xuất danh sách, thứ tự ưu tiên để phân bổ kinh phí xây dựng, cải tạo, nâng cấp

các cơ sở giam giữ. Mặt khác, do nguồn kinh phí được cấp còn hạn chế nên Bộ Công an đã hướng dẫn Công an các địa phương báo cáo chính quyền địa phương để hỗ trợ kinh phí xây dựng, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất các cơ sở giam giữ. Hiện nay, để đáp ứng yêu cầu công tác quản lý giam giữ trong tình hình mới, Bộ Công an đang chỉ đạo các đơn vị chức năng xây dựng “Dự án tổng thể đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp các cơ sở nhà tạm giữ, trại tạm giam, trại giam thuộc Bộ Công an quản lý (giai đoạn 2021-2025)” để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

VI. BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

1. Cử tri kiến nghị: *Đề nghị Chính phủ tiếp tục có các giải pháp nhằm bình ổn giá đối với giá thịt lợn trong nước. Tăng cường, đẩy mạnh các giải pháp nhằm tái đàn nhanh, đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong thời gian sớm nhất.*

Trả lời:

1. Hiện nay nhà nước đang có một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, sản xuất nông nghiệp, trong đó có người chăn nuôi để phát triển công tác tái đàn, tăng đàn lợn và duy trì sản xuất, như:

- Nghị định số 57/2018/NĐ-CP, ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn;

- Nghị định số 32/2019/NĐ-CP, ngày 10/4/2019 của Chính phủ về việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ công;

- Nghị định 02/2017/NĐ-CP, ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh;

- Nghị định 98/2018/NĐ-CP, ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Trực tiếp đến hỗ trợ, phát triển chăn nuôi:

Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015 - 2020;

- Quyết định số 793/QĐ-TTg, ngày 27/6/2019 về cơ chế, chính sách, đối tượng hỗ trợ, mức hỗ trợ kinh phí trong phòng, chống bệnh dịch tả lợn Châu Phi đến hết năm 2019;

- Để tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ người chăn nuôi (thay thế Quyết định 793), Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Tài chính đã đồng trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành Quyết định về cơ chế, chính sách hỗ trợ công tác

phòng, chống bệnh DTLCP từ năm 2020, hiện Văn phòng Chính phủ đang thẩm định để trình Thủ tướng Chính phủ ký ban hành;

- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã có một số văn bản chỉ đạo, hướng dẫn như: Công văn số 1901/NHNN-TD, ngày 21/3/2019; Công văn số 4666/NHNN-TD, ngày 19/6/2019 về việc hỗ trợ khách hàng vay vốn, lãi suất ưu đãi tiền vay cho người chăn nuôi bị thiệt hại do dịch bệnh DTLCP để khôi phục sản xuất, tái đàn lợn, tăng đàn, mở rộng mô hình chăn nuôi lợn an toàn dịch bệnh (ATDB), chăn nuôi an toàn sinh học (ATSH) theo chu kỳ sản xuất;

Ngoài các chính sách trên, Bộ Nông nghiệp và PTNT và các cơ quan, ban, ngành có liên quan đã tạo điều kiện thuận lợi nhất để các doanh nghiệp nhập khẩu lợn thịt và thịt lợn về tiêu thụ nhằm ổn định thị trường thịt lợn trong nước. Ngày 27/5/2020, Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành Văn bản số 3529/BNN-VP về việc nhập khẩu lợn sống từ các nước vào Việt Nam giết thịt hoặc nuôi để giết thịt. Từ ngày 12/6-12/8/2020, đã có 40 lượt doanh nghiệp của Việt Nam đăng ký kiểm dịch nhập khẩu lợn sống từ Thái Lan vào Việt Nam để nuôi thịt và giết thịt. Đến nay, các doanh nghiệp đã nhập khẩu 113.161 con lợn thịt từ Thái Lan vào Việt Nam để giết mổ làm thực phẩm.

Đối với mặt hàng thịt lợn đông lạnh nhập khẩu không có hạn ngạch, trong 8 tháng đầu năm 2020, các doanh nghiệp đã nhập khẩu hơn 93 ngàn tấn thịt lợn đông lạnh các loại từ các nước Canada, Đức, Ba Lan, Brazil, Mỹ, Tây Ban Nha, Liên bang Nga,.. về Việt Nam, tăng 223% so với cùng kỳ năm 2019 và đạt trên 93% kế hoạch Chính phủ giao.

2. Trên cơ sở khung chính sách của nhà nước, nhiều tỉnh, thành phố đã có chính sách cụ thể về hỗ trợ cho phát triển chăn nuôi, công tác tái đàn, tăng đàn lợn, như: Thành phố Hà Nội đã có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố về hỗ trợ cho tái đàn lợn, chính sách di dời và thực hiện Luật Chăn nuôi và các văn bản dưới luật; một số tỉnh có chính sách ưu đãi về đất đai: Miễn thuế đất cho các trang trại chăn nuôi mới như tỉnh Bình Phước để thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực chăn nuôi; Bình Định chuyển 150 tỷ đồng cho Ngân hàng Chính sách cho người chăn nuôi vay lãi suất 0% để tái đàn lợn; Bình Dương hỗ trợ 10 triệu đồng/cơ sở chăn nuôi tái đàn 20 con lợn; Hòa Bình và Thừa Thiên - Huế hỗ trợ 1 tỷ đồng trang trại xây dựng mới; còn 12 tỉnh khác hỗ trợ từ 500 nghìn đến 4 triệu đồng/1 con lợn nái tái đàn...

3. Các giải pháp, chính sách phát triển ngành chăn nuôi ổn định

- Các Bộ, ngành và các địa phương tiếp tục triển khai thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh theo chỉ đạo của Ban Bí thư, Quốc hội, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ; Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 09/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ; Chỉ thị số 1152/CT-BNN-TY ngày 17/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT; Tập trung triển khai quyết liệt, đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp theo đúng tinh thần chỉ đạo kết luận của Thủ tướng Chính

phủ tại Thông báo số 132/TB-VPCP, ngày 29/3/2020, tránh tình trạng chủ quan, lơ là để dịch bệnh tái phát, lây lan diện rộng.

- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố chỉ đạo các Sở, ngành liên quan và chính quyền các cấp: tuyên truyền để người dân và doanh nghiệp yên tâm tái đàn, tăng đàn; chi trả kinh phí cho các hộ, cơ sở chăn nuôi bị thiệt hại do bệnh DTLCP để có nguồn lực tổ chức tái đàn, tăng đàn lợn.

Có chính sách hỗ trợ cụ thể để tái đàn và tăng đàn lợn giống: Hỗ trợ tinh, lợn đực và lợn nái; chính sách về lãi suất tiền vay, về đất đai; triển khai thực hiện Nghị định số 32/2019/NĐ-CP về cung cấp sản phẩm, dịch vụ công, Quyết định 50/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015 - 2020.

- Tăng cường năng lực cho các cơ sở nuôi giữ giống, quản lý và sản xuất giống lợn đáp ứng từng bước con giống cho nhu cầu sản xuất.

- Tuyên truyền sâu rộng về các biện pháp chăn nuôi lợn an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, tái đàn, tăng đàn lợn; tiếp tục kiểm tra hoạt động của các thương lái, cơ sở giết mổ và đầu mối bán buôn, bán lẻ đối với mặt hàng thịt lợn.

Triển khai quản lý chăn nuôi theo Luật Chăn nuôi và các văn bản hướng dẫn Luật Chăn nuôi.

Về lâu dài, để khôi phục, phát triển ngành hàng chăn nuôi bền vững, cần phải có các giải pháp căn cơ, đó là tái cơ cấu lại ngành chăn nuôi, trong đó ngành chăn nuôi lợn phải được tổ chức theo các chuỗi liên kết khép kín, từ chăn nuôi đến giết mổ, chế biến và kết nối thị trường, phát huy tối đa vai trò của các doanh nghiệp, hiệp hội, HTX để giúp người chăn nuôi tổ chức sản xuất, áp dụng công nghệ chăn nuôi tiên tiến, ATSH trong kiểm soát tốt dịch bệnh, nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của các sản phẩm chăn nuôi trong nước nhằm giảm thiệt hại cho người chăn nuôi khi giá sản phẩm chăn nuôi không ổn định. Bộ Nông nghiệp và PTNT đã trình Thủ tướng Chính phủ Dự thảo Chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045. Theo đó, về định hướng phát triển chăn nuôi và những giải pháp, chính sách trên đã được thể hiện rõ trong Chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn tới.

VII. TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

Cử tri kiến nghị: Đối với các cơ quan tư pháp cần tăng cường và chủ động trong công tác phối hợp nhằm thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao. Đồng thời chú trọng nâng cao chất lượng, trình độ đội ngũ cán bộ trong các cơ quan tư pháp, đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ cải cách tư pháp đã và đang đặt ra hiện nay.

Trả lời:

Trong những năm gần đây, việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, nhất là các chức danh tư pháp luôn được lãnh đạo Tòa án nhân dân tối cao đặc biệt quan tâm trong công tác chỉ đạo, tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị và các kiến thức bổ trợ khác¹. Công tác tuyển dụng công chức với nhiều hình thức như: xét tuyển sinh viên, thạc sỹ tốt nghiệp loại giỏi; tổ chức thi tuyển đối với sinh viên tốt nghiệp loại giỏi hoặc cử nhân Luật trở lên nhưng đã được đào tạo nghiệp vụ Tòa án, nghiệp vụ xét xử đã tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao cho Tòa án. Các kỳ thi tuyển chọn, nâng ngạch Thẩm phán, thi tuyển lãnh đạo cấp Vụ được tổ chức một cách công khai, minh bạch, nhằm lựa chọn những Thẩm phán, những cán bộ lãnh đạo quản lý thực sự giỏi về chuyên môn nghiệp vụ, yêu ngành, yêu nghề. Xây dựng và thực hiện nghiêm quy định xử lý trách nhiệm người giữ chức danh tư pháp trong Tòa án nhân dân², Bộ quy tắc đạo đức Thẩm phán, Quy chế đánh giá, phân loại công chức... đảm bảo cho mọi công chức Tòa án đều phải thực hiện nghiêm không chỉ các quy định của Đảng, Nhà nước mà còn phải nêu cao vai trò của người cán bộ tư pháp. Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao chủ động trong việc giải đáp các vướng mắc, thắc mắc về nghiệp vụ cho Tòa án nhân dân các cấp thông qua các buổi tập huấn trực tuyến... Với hàng loạt các biện pháp được triển khai một cách quyết liệt, có thể nói, chất lượng đội ngũ cán bộ, Thẩm phán Tòa án các cấp đã được nâng lên một bước cả về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và trách nhiệm công vụ³. Đây chính là nguyên nhân quan trọng tạo ra sự chuyển biến tích cực trên các mặt công tác của ngành Tòa án nhân dân trong những năm qua, đặc biệt là trong công tác giải quyết, xét xử các loại vụ án. Mặc dù trung bình mỗi năm, số lượng các loại vụ án mà toàn ngành phải thụ lý, giải quyết tăng khoảng 10%, trong khi phải thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị, nhưng không những các Tòa án đã đảm bảo về tiến độ giải quyết, khắc phục có hiệu quả việc để các vụ án quá thời hạn xét xử theo quy định của pháp luật mà chất lượng giải quyết, xét xử các loại vụ án cũng ngày càng được nâng lên, tỷ lệ các bản án, quyết định bị hủy, sửa do lỗi chủ quan của Thẩm phán đều giảm hơn so với các năm trước. Một số khuyết điểm, thiếu sót trong công tác xét xử của những năm trước đây đã được khắc phục có hiệu quả, như: các bản án tuyên không rõ ràng hay các trường hợp cho hưởng án treo không đúng quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, để đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ cải cách tư pháp đã và đang đặt ra hiện nay, Tòa án nhân dân tối cao tiếp tục chú trọng đề ra nhiều giải

¹ Chỉ tính riêng năm 2020, Tòa án nhân dân tối cao đã cử đi đào tạo ở trong nước đối với 621 người, đi công tác nước ngoài đối với 86 công chức; đào tạo nghiệp vụ các chức danh tư pháp với 1099 lượt học viên; tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ về các loại vụ án; định kỳ hằng tháng tổ chức tập huấn trực tuyến với 800 điểm cầu

² Trong năm 2020, Tòa án nhân dân tối cao đã yêu cầu chưa bổ nhiệm lại đối với 25 Thẩm phán, đề nghị miễn nhiệm đối với 08 Thẩm phán, cách chức đối với 01 Thẩm phán

³ Tòa án nhân dân hiện có 02 giáo sư, phó giáo sư (0.01%); 47 tiến sỹ (0,35%); 2.205 thạc sỹ (16.33%); 10.939 Cử nhân (81.02%); 311 trình độ khác (2.30%); về trình độ lý luận chính trị: có 2,342 người có trình độ cử nhân hoặc cao cấp chính trị (17.35%); 4.187 người có trình độ trung cấp chính trị (31.01%)

pháp đồng bộ nhằm tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ công chức, viên chức cả về quy mô, số lượng, chất lượng đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định như: xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng dài hạn và hằng năm; thường xuyên rà soát, đánh giá về kết quả đào tạo, bồi dưỡng để có những thay đổi phù hợp với tình hình thực tế; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng trang bị kiến thức phù hợp với yêu cầu công việc; bồi dưỡng vừa rộng, vừa chuyên sâu kết hợp giữa lý thuyết với kỹ năng nghiệp vụ Tòa án và bám sát yêu cầu nhiệm vụ chính trị của ngành đối với đội ngũ cán bộ, công chức; đổi mới mạnh mẽ về nội dung, chương trình, đội ngũ giảng viên, cơ chế tổ chức đào tạo, bồi dưỡng và đầu tư có trọng tâm, trọng điểm về cơ sở vật chất, kinh phí cho công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức; định kỳ tập huấn trực tuyến cho 800 điểm cầu trong cả nước về các quy định mới của pháp luật; tổ chức thường xuyên hơn nữa các buổi giải đáp vướng mắc bằng hình thức trực tuyến giữa Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao với Tòa án nhân dân các cấp. Đặc biệt, tiếp tục chú trọng công tác thi tuyển chọn lãnh đạo cấp Vụ, cấp phòng trong thời gian tới nhằm lựa chọn được những cán bộ có chuyên môn sâu cho ngành.

VIII. VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO

1. Cử tri kiến nghị: Đề nghị Quốc hội tiếp tục quan tâm và tạo điều kiện về chế độ, chính sách đặc thù đối với ngành kiểm sát cũng như tăng biên chế và số lượng, chỉ tiêu bổ nhiệm các chức danh pháp lý, tạo nguồn nhân lực có năng lực cho các cơ quan tư pháp; đồng thời, tăng cường trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ hoạt động chuyên môn do có một số đơn vị có địa bàn đi lại khó khăn, tình hình tội phạm phức tạp.

Trả lời:

- Về chế độ, chính sách đặc thù đối với công chức: Công chức và người lao động công tác ở các đơn vị VKSND cấp huyện thuộc vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo được hưởng các khoản phụ cấp, trợ cấp đặc thù: Phụ cấp đặc biệt; phụ cấp khu vực; phụ cấp, trợ cấp vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, theo các quy định hiện hành của Nhà nước. Ngoài ra, đối với công chức có chức danh tư pháp như: Kiểm sát viên, Điều tra viên, Kiểm tra viên, Cán bộ điều tra được hưởng chế độ phụ cấp trách nhiệm nghề, phụ cấp thâm niên nghề.

- Về vấn đề tăng biên chế: Việc nhiều đơn vị, VKSND địa phương đề nghị tăng biên chế là nhu cầu thực tế. Tuy nhiên, để thực hiện nghiêm Nghị quyết số 39 NQ/TW, ngày 17/04/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, trong năm 2019, 2020 ngành Kiểm sát nhân dân đã thực hiện tinh giản 6.6% biên chế (tương đương với 1.032 biên chế), năm 2021 ngành Kiểm sát nhân dân tiếp tục thực hiện tinh giản 3.4% biên chế để đảm bảo giảm 10% biên chế theo quy định (tương đương

với 530 biên chế). Mặc dù biên chế giảm nhưng khối lượng công việc của ngành Kiểm sát nhân dân các năm vừa qua phải thụ lý giải quyết tăng nhiều, năm sau cao hơn năm trước. Mặt khác, quy định mới của các đạo luật về tư pháp đã bổ sung nhiều nhiệm vụ, hình thành tổ chức mới (Phòng Giám định tư pháp), yêu cầu trách nhiệm công chức trong công vụ ngày càng cao hơn như tăng thêm 07 nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn của Kiểm sát viên phải có mặt để tham gia kiểm sát (đó là hoạt động đối chất, khám xét, nhận dạng, nhận biết giọng nói, khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, hoạt động thực nghiệm điều tra); tăng trách nhiệm của Viện kiểm sát khi kiểm sát việc giải quyết các vụ việc dân sự, vụ án hành chính và những việc khác theo quy định của pháp luật; tăng nhiệm vụ của Viện kiểm sát khi kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam...; thẩm quyền điều tra của Cơ quan điều tra VKSND tối cao tăng từ 14 tội lên 38 tội danh; đối tượng phạm vi điều tra được mở rộng.... nhưng biên chế của Viện kiểm sát nhân dân vẫn giữ nguyên số lượng đã được giao nên ngành Kiểm sát nhân dân đang gặp nhiều khó khăn về nhân lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị trong tình hình mới. Để khắc phục những khó khăn về biên chế, lãnh đạo VKSND tối cao đã có nhiều biện pháp để chỉ đạo các đơn vị trong toàn Ngành khắc phục những khó khăn, phục vụ tốt hoạt động của Ngành; đồng thời VKSND tối cao cũng đã có Tờ trình đề nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Đề án "Vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức" để làm cơ sở triển khai đề án "Tổ chức biên chế ngành Kiểm sát nhân dân" làm căn cứ sắp xếp, phân bổ biên chế và các chức danh tư pháp cho ngành Kiểm sát nhân dân. Sau khi Đề án được phê duyệt, ngành Kiểm sát nhân dân sẽ làm Tờ trình trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các cấp có thẩm quyền tăng biên chế cũng như phân bổ các chức danh tư pháp cho các đơn vị. Với những khó khăn nêu trên, yêu cầu VKSND các cấp thực hiện nghiêm túc cũng như chia sẻ những khó khăn chung về biên chế để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Về vấn đề tăng số lượng, chỉ tiêu bổ nhiệm các chức danh pháp lý: Nội dung này, VKSND tối cao đã nhiều lần kiến nghị, đề xuất với các cấp có thẩm quyền đề nghị tăng số lượng Kiểm sát viên trong ngành Kiểm sát nhân dân. Ngày 16/8/2012, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 522^o/NQ-UBTVQH13 về tổng biên chế và số lượng Kiểm sát viên, Điều tra viên của VKSND, VKS quân sự các cấp. Chỉ tiêu Kiểm sát viên do Ủy ban Thường vụ Quốc hội giao đã được lãnh đạo VKSND tối cao phân bổ hết cho các địa phương. Vì vậy, không còn chỉ tiêu để phân bổ cho các VKSND địa phương.

Về bảo đảm kinh phí cho hoạt động đặc thù của ngành Kiểm sát nhân dân: Hoạt động đặc thù của ngành Kiểm sát nhân dân là hoạt động thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật mang tính khác biệt so với các cơ quan hành chính thông thường hay các cơ quan tư pháp khác như Tòa án, Cơ quan thi hành án. Do đó, yêu cầu về bảo đảm kinh phí cho hoạt động đặc thù của

ngành Kiểm sát nhân dân là tất yếu. Trong 03 năm gần đây, trên cơ sở thuyết minh dự toán và đề án của Ngành, Bộ Tài chính đã trình Chính phủ quan tâm cấp kinh phí (ngoài định mức chi thường xuyên) cho hoạt động đặc thù và nhiệm vụ tăng thêm theo các quy định mới của pháp luật năm 2019: 56 tỷ đồng; năm 2020: 100 tỷ đồng; năm 2021: 130 tỷ đồng). Vì vậy, mặc dù các đơn vị gặp nhiều khó khăn khi phải thực hiện cắt giảm chi thường xuyên tương ứng với cắt giảm biên chế (từ năm 2019-2021 là 10%) theo Kết luận số 17-KL/TW, ngày 11/9/2017 của Bộ Chính trị nhưng cơ bản kinh phí cho hoạt động đặc thù vẫn được bảo đảm để thực hiện nhiệm vụ chính trị của đơn vị.

Trong giai đoạn 2021-2025, VKSND tối cao tiếp tục phối hợp với Bộ Tài chính trình Chính phủ về định mức chi thường xuyên giai đoạn mới (đề xuất tăng từ 55 triệu đồng/biên chế lên 70 triệu đồng/biên chế), đồng thời đề xuất tăng cường kinh phí cho hoạt động đặc thù của Ngành, đảm bảo kinh phí các đơn vị thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

- Về tăng cường trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ hoạt động chuyên môn đặc thù: Năm 2020, ngành Kiểm sát nhân dân tiếp tục xây dựng Đề án "Đầu tư trang thiết bị, phương tiện làm việc cho ngành Kiểm sát nhân dân giai đoạn 2021 - 2025" đề nghị Bộ Tài chính và Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt. Theo đó, đảm bảo đến năm 2025, cơ bản VKSND các cấp được bố trí đủ xe ô tô phục vụ công tác và xe ô tô chuyên dùng theo Nghị định số 04/2019/NĐ-CP, ngày 11/01/2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô và Công văn số 517/TTg-KTTH, ngày 07/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiêu chuẩn, định mức xe chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ đặc thù. Với các trang thiết bị làm việc, ngành Kiểm sát nhân dân đề nghị được nâng cao cấu hình, kỹ thuật để đảm bảo phục vụ tốt nhiệm vụ được giao. Hiện nay, Bộ Tài chính đã có văn bản tham gia ý kiến đối với dự thảo Đề án, VKSND tối cao sẽ sớm hoàn thiện trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

2. Cử tri kiến nghị: *Đề nghị các cơ quan tư pháp cần tăng cường và chủ động trong công tác phối hợp nhằm thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao. Đồng thời chú trọng nâng cao chất lượng, trình độ đội ngũ cán bộ trong các cơ quan tư pháp, đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ cải cách tư pháp đã và đang đặt ra hiện nay.*

Trả lời:

Để thực hiện chức năng, nhiệm vụ và trong thực tiễn hoạt động của Viện kiểm sát, luôn có sự phối hợp với các cơ quan nhà nước ở địa phương nhằm thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mỗi cơ quan. Trong mỗi lĩnh vực công tác, lãnh đạo VKSND tối cao chỉ đạo các đơn vị, VKS các cấp xây dựng quy chế phối hợp như quy chế phối hợp trong giải quyết tin báo, tố giác tội phạm và kiến nghị khởi tố; quy chế phối hợp trong giải quyết án hình sự, quy chế phối

hợp trong giải quyết án dân sự, hành chính, kinh doanh thương mại và các việc khác theo quy định của pháp luật. Hằng năm, VKSND tối cao ban hành Chỉ thị công tác của ngành Kiểm sát nhân dân yêu cầu các đơn vị tăng cường công tác phối hợp đối với các cơ quan tư pháp trong thực hiện nhiệm vụ nhằm thực hiện tốt hơn nhiệm vụ phòng chống oan sai và bỏ lọt tội phạm; cùng với nâng cao chất lượng, trình độ đội ngũ cán bộ trong ngành Kiểm sát nhân dân, Viện trưởng VKSND tối cao đã ban hành Chỉ thị số 05/CT-VKSTC, ngày 04/4/2016 về tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của VKSND giai đoạn 2016-2020 và những năm tiếp theo; Chỉ thị số 07/CT-VKSTC, ngày 23/9/2020 về tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của VKSND giai đoạn 2020 – 2025 và những năm tiếp theo, hướng dẫn thực hiện Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo từng năm công tác. Chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng tại 02 cơ sở đào tạo của ngành được nâng lên rõ rệt, đội ngũ giảng viên tăng về số lượng, chất lượng ngày càng nâng cao. Hệ thống giáo trình, tài liệu giảng dạy dần hoàn thiện. Công tác quản lý nhà nước về đào tạo, bồi dưỡng được triển khai hiệu quả. Loại hình đào tạo được mở rộng. Cơ sở vật chất, trang thiết bị và các điều kiện bảo đảm phục vụ giảng dạy được quan tâm đầu tư, nâng cấp. Kết quả đó đã góp phần vào việc xây dựng đội ngũ công chức, viên chức có đủ năng lực, trình độ thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của Ngành theo quy định của pháp luật.

